Cơ quan: Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên
Thời gian ký: 12.01.2022 16:27:05 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..36.../QĐ-UBND	*Sông Hinh, ngày..06.tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của huyện Sông Hinh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện Sông Hinh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện Sông Hinh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách huyện Sông Hinh năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân huyện Sông Hinh về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Sông Hinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số..03../TTr-TCKH ngày..05.../01/2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của huyện Sông Hinh (Chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Ủy ban nhân dân tỉnh;
-Sở Tài chính;
-Văn phòng huyện ủy;
-Văn phòng HĐND huyện;
-Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện;
-Tòa án nhân dân huyện;
-Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
-UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
-Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Ngọc Dạn

Mẫu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022
A	**Tổng nguồn thu ngân sách huyện**	**389.186**
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**127.150**
1	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	44.043
2	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	83.107
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**262.036**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	193.954
2	Thu bổ sung có mục tiêu	68.082
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**Tổng Chi ngân sách huyện**	**389.186**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**389.186**
1	Chi đầu tư phát triển	60.189
2	Chi thường xuyên	310.531
3	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	11.200
4	Chi nguồn dự phòng	7.266
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**0**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	**0**

Mẫu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022
A	**Ngân sách cấp huyện**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**389.186**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	127.150
	-Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	44.043
	-Các khoản thu phân chia ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	83.107
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	262.036
	-Bổ sung cân đối ngân sách	193.954
	-Bổ sung có mục tiêu	68.082
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi Ngân sách**	**381.134**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp *(Không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)*	306.752
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn	74.382
	-Bổ sung cân đối ngân sách	*37.430*
	-Bổ sung có mục tiêu	*36.952*
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	**Ngân sách xã, thị trấn**	
I	**Nguồn thu ngân sách xã, thị trấn**	**81.152**
1	Thu ngân sách cấp xã, thị trấn hưởng theo phân cấp	6.770
	-Các khoản thu ngân sách xã , thị trấn hưởng 100%	*4.908*
	-Các khoản thu phân chia phần ngân sách xã, thị trấn hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	*1.862*
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	74.382
	-Bổ sung cân đối ngân sách	*37.430*
	-Bổ sung có mục tiêu	*36.952*
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách xã, thị trấn**	**81.152**

Mẫu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022
	TỔNG THU NSĐP TRÊN ĐỊA BÀN	**130.000**
I	**Thu nội địa**	**130.000**
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	0
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	500
3	Thu thuế ngoài quốc doanh	74.775
4	Lệ phí trước bạ	5.440
5	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác	100
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20
7	Thuế thu nhập cá nhân	5.565
8	Thu phí và lệ phí	2.000
9	Thu tiền sử dụng đất	30.000
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	2.000
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.500
12	Thu khác ngân sách	8.100
B	**Thu viện trợ**	**0**

Mẫu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**389.186**
A	**Chi cân đối ngân sách huyện**	**389.186**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**60.189**
1	Chi đầu tư cho các dự án	60.189
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.646
	- Chi khoa học và công nghệ	0
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	27.000
2	Chi đầu tư phát triển khác	0
II	**Chi thường xuyên**	**310.531**
	Tr.đó :	
	-Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	151.901
	-Chi khoa học, công nghệ	0
III	**Nguồn thực hiện cải cách tiền lương**	**11.200**
IV	**Dự phòng chi**	**7.266**
B	**Chi các chương trình mục tiêu**	**0**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	
C	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

Mẫu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**389.186**
A	**Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã**	**38.760**
B	**Chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực**	**389.186**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**60.189**
1	Chi đầu tư cho các dự án	60.189
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.346
1.2	Chi khoa học và công nghệ	0
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	800
1.4	Chi Văn hóa thông tin	0
1.5	Chi phát thanh, truyền hình	0
1.6	Chi thể dục thể thao	0
1.7	Chi bảo vệ môi trường	0
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	14.880
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý NN, Đảng, đoàn thể	600
1.10	Chi đảm bảo xã hội	0
2	Chi đầu tư phát triển khác	0
II	**Chi thường xuyên**	**310.531**
	Trong đó:	
1	Chi quốc phòng	7.905
2	Chi an ninh	1.379
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	151.901
4	Chi SN môi trường	3.795
5	Chi SN Y tế	1.150
6	Chi văn hoá thông tin	1.843
7	Chi phát thanh - truyền hình	1.318
8	Chi thể dục thể thao	598
9	Chi đảm bảo xã hội	18.421
10	Chi sự nghiệp kinh tế	44.341
11	Chi quản lý hành chính	76.880
12	Chi khác ngân sách	1.000
13	Chi sự nghiệp CTMTQG	0
III	**Dự phòng chi**	**7.266**
IV	**Nguồn thực hiện CCTL**	**11.200**
C	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	**0**

Mẫu số 86/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	**321.002**	**36.387**	**284.615**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Các cơ quan, tổ chức**	**265.584**	**36.387**	**229.197**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	VP HĐND và UBND huyện	5.470		5.470						
2	Phòng Tư Pháp	488		488						
3	Phòng Nông Nghiệp và PTNT	8.644		8.644						
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	8.341	420	7.921						
5	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	1.328		1.328						
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	151.783	700	151.083						
7	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.121		1.121						
8	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	2.691		2.691						
9	Phòng Nội Vụ	1.224		1.224						
10	Thanh tra huyện	738		738						
11	Phòng Lao động TB&XH	18.688		18.688						
12	Phòng Dân Tộc	670		670						
13	VP Huyện Ủy	8.255		8.255						
14	UBMT TQVN huyện	1.340		1.340						
15	Huyện Đoàn	608		608						
16	Hội Liên Hiệp Phụ nữ	696		696						
17	Hội Cựu chiến binh	466		466						
18	Hội Đông Y	146		146						
19	Hội Nông dân	695		695						
20	Hội Chữ thập đỏ	602		602						
21	Trung tâm Chính trị huyện Sông Hinh	963		963						
22	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp GDTX	2.725		2.725						
23	Trung tâm VH-TT và Đài Truyền Thanh - Truyền hình	2.889		2.889						
24	Trung tâm phát triển Quỹ đất	1.841	1.000	841						
25	Ban QLDA ĐTXD	37.501	34.267	3.234						
26	Ban Bảo vệ sức khỏe	330		330						
27	Công an huyện	1.444		1.444						
28	Ban CHQS huyện	3.897		3.897						
II	**Chi dự phòng ngân sách**	**7.266**		**7.266**						
III	**Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương**	**11.200**		**11.200**						
IV	**Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã**	**36.952**		**36.952**						
V	**Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau**									

Mẫu số 87/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	TRONG ĐÓ:											
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa - thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó:		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi Bảo đảm xã hội
											Chi giao thông	Chi Nông nghiệp, Lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng số	**36.387**	**4.346**	**0**	**800**	**0**	**0**	**0**	**0**	**31.241**	**14.965**	**2.500**	**0**	**0**
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	420								420	420			
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	700	700											
3	Trung tâm Phát triển Quỹ Đất	1.000								1.000				
4	Ban QLDA ĐTXD	34.267	3.646		800					29.821	14.545	2.500		

Mẫu số 88/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	TRONG ĐÓ:													
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa - thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục - thể thao	Chi SN môi trường	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó: Chi giao thông	Trong đó: Chi Nông nghiệp, Lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi Bảo đảm xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11	12	13
	Tổng số	**229.197**	**151.158**	**0**	**1.150**	**1.033**	**1.218**	**213**	**3.660**	**1.029**	**3.897**	**19.573**	**3.100**	**7.385**	**29.495**	**16.771**
1	VP HĐND và UBND huyện	5.470										200			5.270	
2	Phòng Tư Pháp	488													488	
3	Phòng Nông Nghiệp và PTNT	8.644										7.439		7.385	1.205	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7.921							3.595			3.052	2.074		1.274	
5	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	1.328										20			1.308	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	151.083	147.500									2.112			1.471	
7	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.121										200			921	
8	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	2.691							65			1.545			1.081	
9	Phòng Nội Vụ	1.224													1.224	
10	Thanh tra huyện	738													738	
11	Phòng Lao động TB&XH	18.688			1.150										1.097	16.441
12	Phòng Dân Tộc	670													670	
13	VP Huyện Ủy	8.255										60			8.195	
14	UBMT TQVN huyện	1.340													1.340	
15	Huyện Đoàn	608													608	
16	Hội Liên Hiệp Phụ nữ	696													696	
17	Hội Cựu chiến binh	466													466	
18	Hội Đông Y	146													146	
19	Hội Nông dân	695													695	
20	Hội Chữ thập đỏ	602													602	
21	Trung tâm Chính trị huyện Sông Hinh	963	963													
22	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp GDTX	2.725	2.695									30				
23	Trung tâm VH-TT và Đài TT-TH	2.889				1.033	1.218	213				425				
24	Trung tâm phát triển Quỹ đất	841										841				
25	Ban QLDA ĐTXD	3.234										3.234	611			
26	Ban Bảo vệ sức khỏe	330														330
27	Công an huyện	1.444								1.029		415	415			
28	Ban CHQS huyện	3.897									3.897					

Mẫu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	**9.480**	**6.770**	**4.908**	**1.862**	**37.430**	**0**	**0**	**44.200**
1	UBND thị trấn Hai Riêng	2.930	1.307	320	987	3.232			4.539
2	UBND xã EaTrol	500	467	430	37	4.057			4.524
3	UBND xã EaBia	240	189	150	39	3.452			3.641
4	UBND xã Sông Hinh	155	125	95	30	3.019			3.144
5	UBND xã Sơn Giang	560	475	395	80	3.542			4.017
6	UBND xã Đức Bình Đông	625	501	405	96	3.011			3.512
7	UBND xã Đức Bình Tây	725	534	400	134	3.035			3.569
8	UBND xã EaBá	150	134	115	19	3.534			3.668
9	UBND xã EaLâm	180	142	113	29	3.647			3.789
10	UBND xã EaBar	2.265	2.060	1.880	180	3.589			5.649
11	UBND xã EaLy	1.150	839	605	234	3.312			4.151

Mẫu số 90/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số: 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện Sông Hinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	Tổng số	**21.708**	**4.802**	**16.906**	**0**
1	UBND thị trấn Hai Riêng	5.756	2.583	3.173	
2	UBND xã EaTrol	1.788		1.788	
3	UBND xã EaBia	1.324		1.324	
4	UBND xã Sông Hinh	804		804	
5	UBND xã Sơn Giang	1.558		1.558	
6	UBND xã Đức Bình Đông	878	400	478	
7	UBND xã Đức Bình Tây	2.178	500	1.678	
8	UBND xã EaBá	893		893	
9	UBND xã EaLâm	1.093		1.093	
10	UBND xã EaBar	3.897	635	3.262	
11	UBND xã EaLy	1.539	684	855	